

Số: **133** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **22** tháng 6 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Fecon là nhà thầu thi công dự án xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2

Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTr ngày 12/5/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp là nhà thầu thi công dự án xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, ngày 22/5/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Fecon.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/6/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Fecon (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: thi công nền và móng; công trình ngầm; thi công hạ tầng; thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Điện thoại giao dịch: 02462.690.481. Fax: 02462.690.484.
- Trụ sở chính: tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Số tài khoản 12510000011241 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô.

2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Tên gói thầu: thi công cọc khoan nhồi nhà máy thiêu kết vôi viên - nhà máy vôi xi măng.
- Giá trị hợp đồng: 120.280.240.426 đồng.
- Ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất.
- Ngày khởi công: ngày 05/4/2023.



- Thời gian thi công (dự kiến): 18 tháng.

- Địa chỉ ban điều hành tại hiện trường: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ký hợp đồng với nhà thầu phụ: doanh nghiệp ký hợp đồng với Công ty Cổ phần cọc và xây dựng Fecon (địa chỉ: tầng 17 tháp CEO, lô HH2-1 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) để thực hiện gói thầu thi công cọc khoan nhồi nhà máy thiêu kết vôi viên - nhà máy vôi xi măng. Doanh nghiệp không trực tiếp thi công mà chỉ bố trí người để điều phối các hoạt động của nhà thầu phụ.

- Số người lao động của doanh nghiệp đang làm việc tại công trường: 02 người.

3. Trách nhiệm quản lý, điều hành các nhà thầu phụ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động

- Đã xây dựng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và phương tiện ra vào công trường, tập kết và xử lý chất thải xây dựng phù hợp.

- Đã thành lập bộ phận giám sát an toàn chung và đề ra biện pháp bảo đảm an toàn lao động khi có nhiều đơn vị cùng thi công trên một công trường.

- Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp thi công và biện pháp đảm bảo an toàn của nhà thầu phụ: nhà thầu phụ đã thi công theo biện pháp thi công và biện pháp an toàn đã được doanh nghiệp phê duyệt và ban hành; đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; đã kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ cho người lao động, người lao động đã sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân tại công trường.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: không.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 02 người.

- Số người đã giao kết đồng lao động 02 người, chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 01 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ đủ 03 tháng đến 36 tháng): 01 người.

- Số người lao động thuê lại: không phát sinh.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: không.

- Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động ghi chưa đảm bảo quy định: mục địa điểm làm việc ghi "trụ sở công ty và các công trình do công ty thực hiện".

2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Đã bố trí người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.
- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.
- Đã thực hiện việc nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng theo đúng quy định của pháp luật.
- Đã thực hiện ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày/năm chưa tính thâm niên.

3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian (theo tháng).
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Mức lương thấp nhất: 20.445.385 đồng/người/tháng, cao nhất: 25.657.692 đồng/người/tháng.
- Doanh nghiệp đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 1.300.000 đồng/người/tháng. Các khoản bổ sung khác: không.
- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (Số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 02 người; số người đã tham gia: 02 người.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động là mức lương, phụ cấp lương ghi trong hợp đồng lao động.

5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 01 người.
- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên. Tuy nhiên, chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 01 người (làm việc chuyên trách).

- Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo quy định, đồng thời chủ đầu tư đã bố trí bộ phận y tế để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động cho toàn bộ người lao động của các nhà thầu.

- Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc. Tuy nhiên, biện pháp đảm bảo an toàn lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định, cụ thể: quy định sử dụng dây đai an toàn khi thi công ở khu vực có độ cao lớn hơn 2m là chưa đúng; quy định việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã hết hiệu lực thi hành; thực hiện đảm bảo an toàn trong thi công đào đất, đổ bê tông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng - QCVN 18:2014/BXD đã hết hiệu lực thi hành.

- Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 02 người lao động theo quy định. Tuy nhiên, thẻ an toàn lao động do đơn vị hoạt động dịch vụ huấn luyện cấp cho người lao động là không đúng quy định.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 02 người lao động.

- Chưa lập hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe của người lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: không.

6. An toàn lao động, vệ sinh lao động tại công trường

6.1. Những quy định chung

- Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công.

- Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.

- Lập và ghi sổ nhật ký an toàn lao động tại công trình: không phát sinh.

- Rào chắn, biển cảnh báo để ngăn ngừa xâm nhập trái phép: không phát sinh (do chủ đầu tư đã thực hiện).

- Đã lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.

- Đã xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.

- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.
- Xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình: nhà thầu phụ thực hiện.
- Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại.
- Đã bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

6.2. Công tác an toàn điện

Không phát sinh.

6.3. Thang và giàn giáo

Không phát sinh.

6.4. Công tác hàn

- Lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao: không phát sinh.

- Lập và thực hiện biện pháp an toàn, thông gió khi tiến hành hàn tại buồng, thùng, khoang, bể kín: không phát sinh.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn điện.

- Khoảng cách an toàn giữ các chai chứa khí nén: không phát sinh.

6.5. Công tác đào, đắp đất đá

Không phát sinh.

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm

Không phát sinh.

6.7. Ván khuôn và thi công bê tông

- Khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng, kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì, tháo dỡ ván khuôn: không phát sinh.

- Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.

- Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công.

- Kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông: không phát sinh.

6.8. Làm việc trên cao

Không phát sinh.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện trong thời kỳ thanh tra

Không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.
- 1.2. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.
- 1.3. Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày.
- 1.4. Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.
- 1.5. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.
- 1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- 1.7. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- 1.8. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.9. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- 1.10. Đã bố trí người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.11. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- 1.12. Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.
- 1.13. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- 1.14. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.
- 1.15. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.
- 1.16. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- 1.17. Trong thời kỳ thanh tra, tại công trường không để xảy ra tai nạn lao động.
- 1.18. Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công.
- 1.19. Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.
- 1.20. Đã lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.
- 1.21. Đã xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.
- 1.22. Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.
- 1.23. Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại; bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng lao động ghi chưa đúng quy định: mục địa điểm làm việc ghi “trụ sở công ty và các công trình do công ty thực hiện” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định, cụ thể: quy định sử dụng dây đai an toàn khi thi công ở khu vực có độ cao lớn hơn 2m là chưa đúng quy định tại điểm 2.7.1.1 và 2.7.1.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng - QCVN 18:2021/BXD; quy định việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hết hiệu lực thi hành; thực hiện đảm bảo an toàn trong thi công đào đất, đổ bê tông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng - QCVN 18:2014/BXD đã hết hiệu lực thi hành.

2.4. Thẻ an toàn lao động do đơn vị hoạt động dịch vụ huấn luyện cấp cho người lao động là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.5. Chưa lập hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Phần 2 mục III, đồng thời báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận: *ML*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Lê Hữu Long